

Số: 07 /QĐ-CĐXD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-CĐXD ngày 26/08/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức hoạt động trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 3695/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và phê duyệt cho đơn vị, chi tiết theo các biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Tài chính Kế toán và Trưởng các đơn vị trực thuộc trường liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Cơ quan chủ quản (Đề báo cáo)
- HT, PHT (Đề báo cáo)
- Ban TT (Đề công khai)
- Các đơn vị trực thuộc trường
- Lưu: VT, TCKT.



Ths. Nguyễn Bá Khiêm

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chương: 022

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-CĐXD ngày 09/01/2026 của trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>	
2	Phí	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>27.500,1</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>27.500,1</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>27.500,1</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.044
	+ Kinh phí hoạt động bộ máy	18.044
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.456,1
	+ Chi chế độ chính sách cho người học (theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC và các chế độ khác nếu có; không bao gồm kinh phí theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP)	9.456,1
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	
11.1	Dự án A	
11.2	Dự án B	
II	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	

VÀ  
 ĐẢNG  
 DỰNG  
 HI PHỒ  
 II MINH  
 \*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	